ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

PHẠM THỊ HÀ MY

Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng của WTO - Pháp luật của một số nước và thực tiễn ở Việt Nam

***Chuyên ngành*: Luật Quốc tế**

***Mã số*: 60 38 60**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội - 2012

Công trình được hoàn thành tại:

KHOA LUẬT - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nông Quốc Bình**

***Phản biện 1*:**

***Phản biện 2*:**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ, họp tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi ..... giờ ....., ngày ..... tháng ..... năm 20….

Có thể tìm hiểu luận văn tại

Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Trung tâm thông tin – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế ngày càng sâu rộng đã tạo ra các thách thức to lớn cho các quốc gia. Trước sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường thế giới và ngay chính trên thị trường nội địa, các quốc gia đã tăng cường sử dụng các công cụ bảo hộ ngày càng tinh vi thông qua các biện pháp bảo đảm công bằng thương mại của WTO, trong đó có trợ cấp và các biện pháp đối kháng. Vì vậy, xu hướng quốc tế cho thấy các vụ kiện chống trợ cấp ngày càng gia tăng.

Từ khi gia nhập WTO, Việt Nam đã tận dụng được nhiều cơ hội để phát triển, tuy nhiên cũng đang gặp phải rất nhiều thách thức của nền kinh tế thị trường. Từ năm 2009, Việt Nam phải đối phó với 4 vụ kiện trợ cấp liên tiếp của Hoa Kỳ đối với mặt hàng túi nhựa PE, ống thép, mắc áo thép và tuabin điện gió. Kết quả bước đầu của các vụ kiện này đều gây bất lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam. Mặt khác, Việt Nam đã có Pháp lệnh về chống trợ cấp hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam năm 2004 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Tuy nhiên cho đến nay, mặc dù thực tế có một số mặt hàng nước ngoài có khả năng được trợ cấp, gây bất lợi cho các doanh nghiệp trong nước, nhưng Việt Nam chưa khởi xướng một vụ đối kháng nào.

Như vậy, hiểu như thế nào cho đúng về trợ cấp và biện pháp đối kháng? Cơ chế điều chỉnh của WTO như thế nào? Pháp luật của các nước và của Việt Nam quy định ra sao? Thực tiễn trợ cấp và chống trợ cấp trên thế giới và ở Việt Nam? Kinh nghiệm gì cho Việt Nam để hoàn hiện chính sách trợ cấp, chống trợ cấp nhằm tăng cường xuất khẩu và bảo vệ nền sản xuất trong nước? Các doanh nghiệp Việt Nam cần làm gì để phòng chống một vụ kiện đối kháng?...

Hiện nay, vấn đề trợ cấp và chống trợ cấp còn khá mới mẻ và chưa được nghiên cứu một cách có hệ thống ở Việt Nam. Do vậy, xuất phát từ những yêu cầu mang tính quốc tế, yêu cầu nội tại trong nước, việc nghiên cứu đề tài: " Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng của WTO- Pháp luật của một số nước và thực tiễn ở Việt Nam" có ý nghĩa hết sức quan trọng.

2. Mục đích của đề tài

- Nghiên cứu và làm rõ các quy định của WTO về trợ cấp và các biện pháp đối kháng

- Tìm hiểu pháp luật của một số nước về trợ cấp và các biện pháp đối kháng. Liên hệ với pháp luật Việt Nam

- Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, đưa ra một số kiến nghị nhằm áp dụng hiệu quả biện pháp trợ cấp, chống trợ cấp ở Việt Nam

3. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện được những mục tiêu trên, luận văn sử dụng phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Bên cạnh đó, đề tài được nghiên cứu trên cơ sở sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, tư duy logic từ lý luận đến thực tiễn, theo trình tự, bố cục chặt chẽ.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung vào tìm hiểu những quy định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng của WTO và một số nước. Ngoài ra, luận văn tìm hiểu thực trạng áp dụng các quy định này. Trên cơ sở đó, liên hệ với thực tiễn ở Việt Nam và đưa ra một số kiến nghị đối với pháp luật trong nước cũng như các bên liên quan.

5. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Về lý luận, luận văn tìm hiểu những vấn đề pháp lý của Hiệp định trợ cấp và các biện pháp đối kháng của WTO, tìm hiểu pháp luật của một số nước và Việt Nam về vấn đề này. Về mặt thực tiễn, Luận văn tìm hiểu thực trạng chống trợ cấp trên thế giới và ở Việt Nam; từ đó đã đề xuất một số kiến nghị để thực hiện tốt quy định của WTO, bảo vệ nền sản xuất trong nước và thúc đẩy xuất khẩu.

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn gồm 3 chương: Chương 1: Lý luận chung về trợ cấp và các biện pháp chống trợ cấp; Chương 2: Hiệp định về trợ cấp, các biện pháp đối kháng của WTO và pháp luật của một số nước; Chương 3: Thực trạng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về trợ cấp và biện pháp đối kháng ở Việt Nam

Chương 1: Lý luận chung về trợ cấp và các biện pháp đối kháng

1.1. Trợ cấp

1.1.1. Khái niệm

Trợ cấp có nhiều cách hiểu và vận dụng khác nhau. Theo Điều 1 Hiệp định SCM, trợ cấp được coi là tồn tại nếu có sự đóng góp tài chính của Chính phủ hoặc một cơ quan công cộng trên lãnh thổ của một Thành viên và đem lại lợi ích cho đối tượng được nhận trợ cấp.

1.1.2. Phân loại

Căn cứ vào các tiêu chí khác nhau, người ta phân loại trợ cấp thành trợ cấp chung và trợ cấp riêng; trợ cấp trong nước và trợ cấp xuất khẩu; trợ cấp trực tiếp và trợ cấp gián tiếp; trợ cấp nông nghiệp và trợ cấp phi nông nghiệp. Hiệp định SCM chia trợ cấp thành 3 loại dựa trên mức độ ảnh hưởng đến thương mại của chúng: Trợ cấp bị cấm sử dụng, trợ cấp có thể bị đối kháng, trợ cấp không bị khởi kiện

1.1.3. Các hình thức trợ cấp trong thương mại quốc tế

Các biện pháp trợ cấp trong thương mại quốc tế thường được sử dụng là: Thưởng xuất khẩu; Trợ cấp thay thế nhập khẩu; Bù lỗ xuất khẩu; Ưu đãi tín dụng; Ưu đãi thuế; Cấp lại tiền sử dụng vồn để tái đầu tư, hỗ trợ kinh phí để xúc tiến thương mại…

1.1.4. Tác động của các biện pháp trợ cấp

1.1.4.1. Tác động tích cực

Trợ cấp xuất khẩu giúp nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, đẩy mạnh xuất khẩu; có tác dụng an sinh xã hội. Người tiêu dùng hay các ngành công nghiệp hạ nguồn sẽ có lợi do mua được hàng hóa cần thiết với giá rẻ hơn.

1.1.4.2. Tác động tiêu cực

Trợ cấp ngăn cản sự phân bổ tối ưu hiệu quả các nguồn lực quốc gia, có thể gây tổn hại đến lợi ích xuất khẩu của nước khác. Người tiêu dùng trong nước phải chấp nhận mua hàng hóa được trợ cấp tại nội địa với giá cao.

1.2. BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG

1.2.1. Các biện pháp đối kháng

1.2.1.1. Biện pháp đối kháng

Khi phát hiện có trợ cấp và thiệt hại xảy ra, Chính phủ nước nhập khẩu có thể áp dụng các biện pháp chống trợ cấp như đưa ra một cơ quan giải quyết tranh chấp quốc tế hoặc tiến hành điều tra đánh thuế chống trợ cấp với hàng nhập khẩu được trợ cấp.

1.2.1.2. So sánh biện pháp đối kháng với các biện pháp phòng vệ thương mại khác

Các biện pháp phòng vệ thương mại nhằm bảo vệ ngành công nghiệp nội địa khỏi các đối thủ cạnh tranh nước ngoài, bao gồm ba biện pháp là chống bán phá giá, biện pháp đối kháng và tự vệ. Tuy nhiên các biện pháp này khác nhau về bản chất, điều kiện áp dụng, phạm vi áp dụng, thời gian và hệ quả của việc áp dụng.

1.2.2. Thuế đối kháng và tác động của việc đánh thuế đối kháng

1.2.2.1. Thuế đối kháng

Theo Điều VI GATT "Thuật ngữ thuế đối kháng được hiểu là một khoản thuế đặc biệt áp dụng nhằm mục đích triệt tiêu mọi khoản ưu đãi hay trợ cấp dành trực tiếp hay gián tiếp cho công đoạn chế biến, sản xuất hay xuất khẩu bất cứ hàng hoá nào"

1.2.2.2. Thuế đối kháng tác động như một công cụ chính sách thương mại

Thuế đối kháng (hay còn gọi là thuế chống trợ cấp) có tác động răn đe đáng kể đối với Chính phủ và nhà sản xuất nước ngoài. Sử dụng thuế chống trợ cấp giúp hạn chế và loại bỏ các tác động tiêu cực của trợ cấp, giúp đảm bảo công bằng thương mại.

1.2.2.3. Tác động đối với các bên

Thuế đối kháng đem lại nguồn thu cho ngân sách nhà nước; giúp Chính phủ nước xuất khẩu tránh được việc bảo hộ thái quá hoặc sai đối tượng. Tuy nhiên, doanh nghiệp có thể bị giảm lượng xuất khẩu và giảm tính cạnh tranh so với các sản phẩm khác; người tiêu thụ sản phẩm phải mua với giá cao hơn. Nhà sản xuất mặt hàng bị đánh thuế hoặc nhà sản xuất các mặt hàng trực tiếp cạnh tranh với mặt hàng đó tại nước nhập khẩu sẽ được hưởng lợi.

Chương 2: HIỆP ĐỊNH VỀ TRỢ CẤP VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG CỦA WTO VÀ PHÁP LUẬT CỦA MỘT SỐ NƯỚC

2.1. HIỆP ĐỊNH VỀ TRỢ CẤP VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG CỦA WTO

2.1.1. Tổng quan chung về Hiệp định SCM

Hiệp định đầu tiên về trợ cấp có hiệu lực năm 1979 và chỉ có một số lượng hạn chế thành viên của GATT tham gia ký kết. Trong giai đoạn cuối của Vòng đàm phán Uruguay (1986-1994), Hiệp định SCM ra đời và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1995.

2.1.2. Trợ cấp và biện pháp đối kháng

2.1.2.1. Trợ cấp

Theo Điều 1 Hiệp định SCM, trợ cấp được coi là tồn tại nếu có sự đóng góp tài chính của Chính phủ hoặc một cơ quan công cộng trên lãnh thổ của một Thành viên và đem lại lợi ích cho đối tượng được nhận trợ cấp. Từ đó Hiệp định phân loại thành 3 loại trợ cấp dựa trên tác động đối với thương mại của chúng: trợ cấp bị cấm, trợ cấp có thể đối kháng và trợ cấp không bị đối kháng.

2.1.2.2. Các biện pháp đối kháng

Trợ cấp "đèn đỏ" hoặc trợ cấp "đèn vàng" gây ra thiệt hại có thể bị khiếu kiện thông qua cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO hoặc bị điều tra đánh thuế đối kháng. Tiến trình áp dụng thuế đối kháng chỉ có thể được thực hiện khi có thiệt hại xảy ra. Trong các trường hợp khác, biện pháp đối kháng duy nhất là thông qua tiến trình giải quyết tranh chấp của WTO.

2.1.3. Thủ tục điều tra và áp dụng thuế đối kháng

2.1.3.1. Căn cứ điều tra chống trợ cấp

Hiệp định SCM quy định cuộc điều tra chống trợ cấp trên cơ sở những bằng chứng về sự tồn tại của trợ cấp, thiệt hại gây ra bởi trợ cấp và mối quan hệ nhân quả giữa nhập khẩu được trợ cấp và thiệt hại đó.

2.1.3.2. Khởi kiện

Ngành sản xuất sản phẩm tương tự tại nước nhập khẩu, hoặc của một nhóm các nhà sản xuất đại diện cho ngành đó, cơ quan điều tra của nước nhập khẩu có thể tự quyết định bắt đầu tiến hành điều tra. Hồ sơ chỉ được coi là thoả mãn yêu cầu về tính đại diện cho ngành sản xuất liên quan.

2.1.3.3. Quá trình điều tra

Thời hạn điều tra là 12 tháng, và chỉ được kéo dài tới tối đa là 18 tháng kể từ khi chính thức bắt đầu điều tra.Các bước gồm:

- *Quyết định điều tra*:
- *Điều tra sơ bộ* qua bảng câu hỏi gửi cho các bên liên quan, thu thập, xác minh thông tin, thông tin do các bên tự cung cấp.
- *Kết luận sơ bộ*:
- *Tiếp tục điều tra:* tại lãnh thổ nước xuất khẩu hoặc tại cơ sở của nhà sản xuất hoặc xuất khẩu nước ngoài
- *Kết luận cuối cùng và áp dụng biện pháp chống trợ cấp*

2.1.3.4. Các biện pháp tạm thời

Biện pháp tạm thời có thể dưới hình thức thuế chống trợ cấp tạm thời được bảo đảm bằng một khoản tiền đặt cọc hoặc cam kết nộp với giá trị tương đương với mức trợ cấp tạm tính.

2.1.3.5. Cam kết

Cam kết là sự tự nguyện giữa các nước, nếu các nước thỏa thuận được thì quá trình điều tra có thể bị đình chỉ hay chấm dứt mà không áp dụng các biện pháp tạm thời hay thuế đối kháng

2.1.3.6. Nguyên tắc áp dụng và rà soát thuế đối kháng

Mức thuế đối kháng không được cao hơn giá trị trợ cấp; áp dụng trên cơ sở không phân biệt đối xử. Hiệp định SCM quy định thời hạn áp dụng thuế đối kháng tối đa là 5 năm kể từ ngày bắt đầu áp dụng hoặc kéo dài thêm 5 năm nếu cơ quan điều tra tiến hành rà soát thấy vẫn cần áp dụng thuế đối kháng.

2.1.3. Giải quyết tranh chấp về trợ cấp thông qua WTO

Nếu không đạt được một giải pháp được các bên chấp nhận trong quá trình tham vấn, thì các Thành viên trong vụ tranh chấp về trợ cấp có thể đưa vấn đề ra Cơ quan giải quyết tranh chấp (DSB). Thời gian giải quyết khác nhau tùy thuộc vào vụ tranh chấp đối với loại trợ cấp nào. Các biện pháp đưa ra có thể là: khuyến nghị điều chỉnh hoặc loại bỏ trợ cấp, hoặc cho phép bên khiếu nại áp dụng thuế đối kháng, hoặc cho phép áp dụng biện pháp trả đũa.

2.1.4. Đối xử đặc biệt và khác biệt dành cho các Thành viên

2.1.4.1. Nhóm các Thành viên đang phát triển

Những ưu đãi này bao gồm: Ưu đãi về việc sử dụng trợ cấp bị cấm và phải đình chỉ điều tra nếu mức de minimis không vượt quá 2%, 3% đối với các nước trong Phụ lục VII; hoặc nếu khối lượng hàng nhập khẩu được trợ cấp chỉ chiếm dưới 4% tổng sản phẩm nhập khẩu hàng hóa tương tự.

2.1.4.2. Các nước có nền kinh tế chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường

Đối với các chương trình trợ cấp bị cấm, các Thành viên này được loại bỏ dần và điều chỉnh cho phù hợp trong vòng 7 năm, kể từ ngày Hiệp định WTO bắt đầu có hiệu lực. Ngoài ra, các chương trình trực tiếp xoá nợ như xoá một khoản nợ Nhà nước hay cấp kinh phí để thanh toán nợ không coi là trợ cấp có thể đối kháng. Ngoài ra, cơ quan điều tra sẽ sử dụng giá và chi phí sản xuất của hàng hóa tại một nước thứ ba hay một nước thay thế nào đó để làm cơ sở tính toán cho giá thông thường.

2.2. PHÁP LUẬT VỀ TRỢ CẤP VÀ BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG CỦA MỘT SỐ NƯỚC

2.2.1. Khái niệm trợ cấp một số nước

2.2.1.1. Hệ thống văn bản pháp luật về trợ cấp

Một số nước như Thụy Sỹ, Nhật Bản… áp dụng trực tiếp các quy định của WTO. Nhiều nước lựa chọn cách xây dựng hệ thống văn bản riêng phù hợp với các chuẩn mực của WTO.

2.2.1.2. Khái niệm về trợ cấp

Hoa Kỳ quy định trợ cấp xuất khẩu phụ thuộc vào xuất khẩu đồng thời có hạn chế cụ thể, chặt chẽ với trợ cấp đèn xanh. EC xác định "tính riêng biệt" theo cách khá rộng. Trung Quốc không phân loại trợ cấp một cách cụ thể như Hiệp định SCM mà chỉ đề cập đến các loại trợ cấp mang tính riêng biệt là đối tượng chống trợ cấp.

2.2.2. Xác định thiệt hại của trợ cấp

2.2.2.1. Xác định mức độ trợ cấp

Hoa Kỳ sử dụng phương pháp "chọn mẫu ngẫu nhiên" trong việc lựa chọn các bị đơn bắt buộc . Ngoài ra, mức trợ cấp không đáng kể "de minimis" chỉ áp dụng trong giai đoạn điều tra, còn khi rà soát lại thuế chống trợ cấp thì áp dụng mức 0,5%.

EU không đánh thuế chống trợ cấp đối với nhà xuất khẩu hợp tác với EC trong quá trình điều tra nếu biên độ trợ cấp bằng hoặc thấp hơn mức "de minimis"; Trường hợp biên độ trợ cấp của một số nhà xuất khẩu cao hơn mức "de minimis" trong khi một số nhà xuất khẩu khác lại thấp hơn mức này: EC sẽ tính biên độ trợ cấp chung cho nước xuất khẩu. EU đánh thuế chống trợ cấp còn dựa trên căn cứ về lợi ích của Khối trong việc đánh thuế chống trợ cấp.

2.2.2.2. Xác định mức độ thiệt hại

Theo luật Hoa Kỳ, thiệt hại vật chất phải là những thiệt hại có nguyên nhân từ trợ cấp, hữu hình và có quy mô đáng kể. EC không định nghĩa khái niệm "thiệt hại đáng kể" mà nêu ra danh sách các căn cứ để xác định sự tồn tại của nó. Trung Quốc quy định xem xét thêm các yếu tố: năng lực sản xuất, lượng hàng tồn kho của sản phẩm được trợ cấp đang bị điều tra; các yếu tố khác gây ra thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước.

2.2.2.3. Xác định mối quan hệ nhân quả giữa hàng nhập khẩu được trợ cấp và thiệt hại

DOC không xét đến các tác động về giá và khối lượng của trợ cấp. Khi tăng hàng nhập khẩu cùng với tình hình kinh tế xấu đi đối với nguyên đơn, EU có xu hướng tự động giả định sự tồn tại của mối quan hệ nhân quả giữa hai dữ kiện.

2.2.2.4. Xác định nền kinh tế phi thị trường và lựa chọn nước thay thế

DOC quyết định một nước có bị coi là có nền kinh tế phi thị trường dựa trên các tiêu chí: Mức độ chuyển đổi của đồng nội tệ; Mức độ kiểm soát các phương tiện sản xuất của Chính phủ; Mức độ kiểm soát việc phân bổ các nguồn lực, quyết định giá cả và sản lượng của Chính phủ; Các tiêu chí khác do DOC đưa ra. EC cũng đưa ra một số tiêu chí như: Quyết định liên quan đến giá cả và chi phí đầu vào không có sự can thiệp quá nhiều từ phía Chính phủ và phản ánh đáng kể giá trị thị trường; Có hệ thống sổ sách kế toán theo các tiêu chuẩn kế toán quốc tế, được kiểm toán độc lập ..

Hoa Kỳ quy định nước thay thế là nước có nền kinh tế thị trường, có trình độ phát triển tương đương với nước bị kiện và là nước sản xuất đáng kể mặt hàng tương tự như mặt hàng đang bị điều tra. EC sử dụng khái niệm "quốc gia tương tự" là một nước có nền kinh tế thị trường và có các tiêu chuẩn so sánh phù hợp, nhưng không nhất thiết phải có trình độ phát triển tương đương với nước có nền kinh tế phi thị trường có mặt hàng đang bị điều tra.

2.2.3. Thủ tục chống trợ cấp một số nước

Hoa Kỳ quy định hồ sơ đề nghị chi tiết hơn so với Hiệp định SCM. Các bên liên quan cũng có điểm cụ thể hơn và mở rộng hơn. Thời gian cho một vụ kiện là 212 ngày và chỉ có hiệu lực khi cả ITA và ITC đều đưa ra phán quyết. Hoa Kỳ xác định mức thuế cụ thể cho từng nhà xuất khẩu. Đối với những nhà xuất khẩu không được điều tra riêng, áp dụng mức bình quân của các mức thuế đã xác định.

Ở EU: Chỉ có một cơ quan điều tra về mức trợ cấp và thiệt hại là EC; Đề xuất áp dụng thuế chống trợ cấp có thể bị phủ quyết nếu đa số các nước thành viên phản đối. Cơ quan điều tra của EU linh hoạt hơn của Hoa Kỳ. Cả quá trình điều tra một vụ chống trợ cấp của EU (chưa

bao gồm quá trình điều tra rà soát sau khi áp thuế) kéo dài khoảng 12 tháng hoặc hơn.

2.2.4. Thực tiễn chống trợ cấp

2.2.4.1. Hoạt động trợ cấp của các nước

Các nước đều sử dụng trợ cấp với mức độ, đối tượng khác nhau, phần lớn thông qua ưu đãi thuế, ưu đãi đầu vào sản xuất.Các nước Âu Mỹ, ngoài hoạt động cấp tín dụng cho nhà xuất khẩu trong nước, bảo đảm tín dụng xuất khẩu còn cung cấp cho nhà nhập khẩu nước ngoài. Nhóm nước Châu Á hoạt động tín dụng xuất khẩu tập trung vào việc cho doanh nghiệp xuất khẩu vay với lãi suất ưu đãi.

2.2.4.2. Thực hiện pháp luật chống trợ cấp một số nước

Trước những năm 1970, việc áp dụng thuế chống trợ cấp chưa phổ biến. Giai đoạn 1995-2010 có tổng cộng 245 vụ điều tra chống trợ cấp, chủ yếu là các cuộc điều tra ngành hóa chất và kim loại, thực hiện nhiều nhất ở Hoa Kỳ (khởi xướng 105 vụ) và EU (khởi xướng 57 vụ). Trung Quốc và Ấn Độ là những nước bị áp dụng thuế chống trợ cấp nhiều nhất, hai nước này chiếm 35,8%.

Chương 3. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ CẤP VÀ BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG Ở VIỆT NAM

3.1. THỰC TRẠNG TRỢ CẤP Ở VIỆT NAM

3.1.1. Tổng quan chung về tình hình xuất nhập khẩu và cam kết của Việt Nam về trợ cấp

3.1.1.1. Tình hình xuất nhập khẩu của Việt Nam

Về xuất khẩu: Năm 2010, tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt 71,6 tỷ USD. Thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Hoa Kỳ, EU, các nước ASEAN. Về nhập khẩu: năm 2010 đạt 84 tỷ USD.

3.1.1.2. Cam kết của Việt Nam liên quan đến trợ cấp khi gia nhập WTO

Bãi bỏ trợ cấp thay thế nhập khẩu và các loại trợ cấp xuất khẩu dưới hình thức cấp phát trực tiếp từ ngân sách kể từ khi gia nhập WTO. Đối với các hình thức trợ cấp xuất khẩu bị cấm còn lại theo Hiệp định SCM, Việt Nam cam kết bãi bỏ sau 9 năm kể từ thời điểm gia nhập. Riêng với ngành dệt may, bãi bỏ tất cả các loại trợ cấp bị cấm ngay từ khi Việt Nam gia nhập WTO. Việt Nam chấp nhận được coi là nền kinh tế thị trường sau 12 năm kể từ ngày ký kết gia nhập thành viên WTO (năm 2018).

3.1.2. Trợ cấp ở Việt Nam trước khi gia nhập WTO

Các chính sách liên quan đến trợ cấp giai đoạn trước khi Việt Nam gia nhập WTO như: Chính sách ưu đãi thuế nhập khẩu theo tỷ lệ nội địa hoá; Hỗ trợ sản phẩm công nghiệp trọng điểm; Ưu đãi đầu tư đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng xuất khẩu; sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước; đầu tư vào địa bàn, lĩnh vự khuyến khích đầu tư; Khuyến khích đầu tư vào hoạt động khoa học công nghệ; Sử dụng nhiều lao động nữ; Hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp phần mềm.

3.1.3. Trợ cấp ở Việt Nam sau khi gia nhập WTO

3.1.3.1. Các chương trình trợ cấp

Về tín dụng hỗ trợ xuất khẩu: Từ ngày 20/10/2011, còn 19 mặt hàng được vay vốn tín dụng xuất khẩu. Mức vốn cho vay tối đa bằng 85% giá trị hợp đồng xuất nhập khẩu đã ký hoặc giá trị L/C. *Về thuế thu*

nhập doanh nghiệp: mức thuế suất tùy thuộc vào địa bàn, lĩnh vực được khuyến khích đầu tư. *Về thuế xuất nhập khẩu:*

3.1.3.2. Rà soát các quy định của Việt nam về trợ cấp với các quy định của WTO

Những văn bản cũng như các hình thức trợ cấp hộp đỏ đã hết hiệu lực trước ngày Việt Nam gia nhập WTO.Việt nam vẫn duy trì các hình thức trợ cấp thuộc hộp vàng và hộp xanh được phép áp dụng.

3.2. THỰC TRẠNG ÁP DỤNG BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG Ở VIỆT NAM

3.2.1. Tổng quan chung về việc áp dụng biện pháp đối kháng ở Việt Nam

3.2.1.1. Sự cần thiết áp dụng thuế đối kháng ở Việt Nam

Đây là công cụ cần thiết để tạo cơ chế công bằng trong thương mại quốc tế, đặc biệt là với nước mới gia nhập WTO như Việt Nam.

3.2.1.2. Cơ hội và thách thức của Việt Nam khi thực hiện Hiệp định SCM

Cơ hội: Thực hiện tốt Hiệp định SCM giúp nâng cao tính hiệu quả và sức cạnh tranh cho nền kinh tế, thúc đẩy doanh nghiệp tăng cường đầu tư, loại bỏ thái độ trông chờ trợ cấp để vượt qua rào cản thương mại, chiếm lĩnh thị trường nước ngoài.

Thách thức: Việt Nam có kinh nghiệm pháp lý còn hạn chế; thiếu nguồn lực tài chính và nhân lực để tham gia các vụ kiện chống trợ cấp; những bất lợi từ nền kinh tế phi thị trường.

3.2.2. Một số quy định của pháp luật Việt Nam về chống trợ cấp

3.2.2.1. Hệ thống pháp luật về chống trợ cấp

Pháp lệnh về việc chống trợ cấp hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam năm 2004; Nghị định 89/2005/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh chống trợ cấp hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam và các văn bản phụ trợ khác.

3.2.2.2. Cơ quan thực hiện chống trợ cấp

Cục Quản lý cạnh tranh thuộc Bộ Công Thương: Chịu trách nhiệm điều tra, trình kết quả điều tra và đề xuất cách thức xử lý cho cơ quan có thẩm quyền.

Hội đồng xử lý vụ việc chống trợ cấp thuộc Bộ Công Thương: Xem xét, nghiên cứu kết quả điều tra của Cục quản lý cạnh tranh, thảo luận và kiến nghị Bộ trưởng Bộ Công Thương về cách thức xử lý.

Bộ trưởng Bộ Công Thương: Quyết định có hoặc không áp dụng biện pháp chống trợ cấp.

Hải quan: có trách nhiệm thu số thuế chống trợ cấp tạm thời, hoặc các khoản bảo đảm thanh toán thuế chống trợ cấp.

3.2.2.3. Trình tự, thủ tục điều tra chống trợ cấp

Bước 1. Tiếp nhận và thụ lý Hồ sơ:

Bước 2. Thẩm định Hồ sơ :

Bước 3. Tổ chức tham vấn:

Bước 4. Quyết định điều tra vụ việc chống trợ cấp

Bước 5. Cục Quản lý cạnh tranh Thông báo quyết định điều tra vụ việc chống trợ cấp

Bước 6. Kết luận sơ bộ:

Bước 7. Quyết định áp thuế chống trợ cấp tạm thời:

Bước 8. Áp dụng biện pháp cam kết

Bước 9. Kết luận cuối cùng

Bước 10. Quyết định của Hội đồng xử lý vụ việc chống trợ cấp

Bước 11. Khiếu nại quyết định áp dụng thuế chống trợ cấp

Thời hạn điều tra để áp dụng biện pháp chống trợ cấp là không quá 12 tháng, kể từ ngày có quyết định điều tra; trong trường hợp đặc biệt, Bộ trưởng Bộ Công Thương có thể quyết định gia hạn thời hạn điều tra nhưng không quá 6 tháng.

3.2.2.4. Rà soát pháp luật chống trợ cấp Việt Nam với quy định của WTO

Pháp luật về chống trợ cấp của Việt Nam tương đối bám sát các quy định của Hiệp định SCM, ngoài ra, có một số quy định cụ thể hóa các quy định của WTO, như bổ sung thêm điều kiện về lợi ích công cộng. Một số quy định chưa đạt được độ chi tiết như: quy định về việc xác định thiệt hại của ngành sản xuất vùng, về nghĩa vụ bắt buộc phải xem xét các yếu tố khác cùng gây ra thiệt hại ngoài việc hàng nhập khẩu được trợ cấp.

3.2.3. Vụ kiện chống trợ cấp của Việt Nam

3.2.3.1. Vụ kiện chống trợ cấp với túi nhựa PE

Ngày 4/5/2010: Biên độ trợ cấp cuối cùng được áp dụng cho công ty API là 52,56%; với Fotai là 5,28%; với Chin sheng là 0,44%; với các công ty khác của Việt Nam là 5,28%.

3.2.3.2. Vụ kiện chống trợ cấp đối với ống thép

Ngày 27/03/2012, DOC sơ bộ quyết định mức thuế suất cho 2 bị đơn bắt buộc của Việt Nam là 0,04% (mức không đáng kể) và 8,06%. Mức thuế suất dành cho các nhà sản xuất/xuất khẩu khác là 8,06%.

3.2.3.3. Vụ kiện chốngtrợ cấp đối với mắc áo thép

Ngày 18/01/2012: Khởi xướng điều tra. Ngày 22/02/2012 ITC ra phán quyết sơ bộ về việc lựa chọn Tổng công ty Cổ phần XK Đông Nam Á Hamico làm đại diện bị đơn bắt buộc. Công ty sẽ phải hoàn tất hồ sơ đối với vụ kiện trợ cấp trước ngày 19-3-2012.

3.2.3.4. Vụ kiện chống trợ cấp đối với tuabin điện gió

Ngày 29/12/2011 Liên minh Thương mại Tháp điện gió Hoa Kỳ yêu cầu khởi xướng điều tra chống bán phá giá và chống trợ cấp. 18/01/2012, Bộ Thương mại Hoa Kỳ quyết định chỉ khởi xướng điều tra chống bán phá giá mà không điều tra chống trợ cấp.

3.2.4. Kinh nghiệm cho các doanh nghiệp Việt Nam khi xuất khẩu

3.2.4.1. Kinh nghiệm để phòng tránh một vụ kiện chống trợ cấp

Doanh nghiệp nên đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tránh phát triển quá nóng một thị trường, tăng cường cạnh tranh bằng chất lượng và giảm dần việc cạnh tranh bằng giá…

3.2.4.2. Kinh nghiệm đối phó với các vụ kiện chống trợ cấp

Doanh nghiệp phải tích cực tham gia vụ kiện ngay từ ban đầu; Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, tận dụng liên kết Hiệp hội ngành hàng ; Quan tâm tới các thời hạn điều tra; Chuẩn bị các nguồn lực về sổ sách kế toán, tài chính, nhân sự.

3.3. HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ TRỢ CẤP

3.3.1. Xây dựng các chương trình trợ cấp phù hợp với quy định của WTO

3.3.1.1. Điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư

Chính sách ưu đãi đầu tư phải được điều chỉnh theo hướng tuân thủ nguyên tắc minh bạch, không phân biệt đối xử, áp dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương.

3.3.1.2. Điều chỉnh hoạt động hỗ trợ tín dụng xuất khẩu

Tín dụng hỗ trợ xuất khẩu phải thực sự tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy sản xuất, hỗ trợ các doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam đối với những ngành hàng ưu thế hay những thị trường thế mạnh.

3.3.1.3. Tăng cường hoạt động tài trợ xúc tiến thương mại

Trước mắt tập trung phát triển thị trường xuất khẩu cho các sản phẩm nông lâm thủy sản, khoáng sản nguyên liệu, hàng tiểu thủ công nghiệp…nhưng phải hướng tới việc xúc tiến mạnh mẽ các sản phẩm có giá trị gia tăng, có hàm lượng công nghệ cao và tri thức cao.

3.3.1.4. Các chính sách trợ cấp khác

Chính phủ có thể tài trợ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển hay cho hoạt động bảo vệ môi trường,... (huộc loại trợ cấp đèn xanh; Hỗ trợ chung để phát triển một số lĩnh vực, ngành nghề địa bàn có điều kiện đặc biệt đề gián tiếp thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu…

3.3.2. Hoàn thiện pháp luật về chống trợ cấp

3.3.2.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật phụ trợ

Xây hệ thống luật pháp theo định hướng xây dựng một nền kinh tế thị trường; hoàn thiện hệ thống pháp luật về thuế, hải quan, về xuất xứ hàng hóa; Ban hành nghị định riêng về tổ chức và hoạt động của Hiệp hội ngành hàng.

3.3.2.2. Hoàn thiện pháp luật trực tiếp điều chỉnh chống trợ cấp

Pháp luật về chống trợ cấp cần được ban hành dưới dạng luật, có sự tham vấn của các doanh nghiệp, quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan liên quan, quy định chi tiết về các hoạt động điều tra, bảng câu hỏi điều tra mẫu, bảng hướng dẫn về thủ tục hành chính trong vụ điều tra chống trợ cấp.

3.3.3. Các giải pháp khác

3.3.3.1. Nâng cao năng lực bộ máy nhà nước

3.3.3.2. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, Hiệp hội ngành hàng và các doanh nghiệp

3.3.3.3. Thiết lập hệ thống thông tin, kiến thức về trợ cấp, thông tin thị trường và pháp luật của nước nhập khẩu

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Trong thời kỳ toàn cầu hóa và đặc biệt là trong giai đoạn khủng hoảng kinh tế hiện nay cho thấy xu hướng các nước đều gia tăng sử dụng trợ cấp và các biện pháp đối kháng. Hiệp định SCM đã đưa ra được khung pháp lý điều chỉnh về vấn đề này như quy định các loại trợ cấp, chế tài tương ứng, thủ tục điều tra, áp dụng thuế đối kháng... Trên cơ sở đó, các nước cũng đã có những quy định riêng, đặc biệt là pháp luật của Hoa Kỳ và EU quy định khá cụ thể và chi tiết về thủ tục điều tra, phương pháp tính mức độ trợ cấp, thiệt hại... Qua rà soát, các quy định về trợ cấp và chống trợ cấp của Việt Nam tương đối phù hợp với

quy định của WTO và với những cam kết của Việt Nam khi tham gia tổ chức này.

Việt Nam với tư cách là một nước đang phát triển, đang trong giai đoạn chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Gia nhập WTO từ năm 2007, Việt Nam cần phải có sự chuẩn bị tốt hơn nữa để có thể tận dụng được những quyền lợi chính đáng của mình như những quốc gia thành viên khác. Theo đó, chúng ta cần tiến hành đồng bộ các giải pháp sau nhằm áp dụng hiệu quả các biện pháp trợ cấp và chống trợ cấp:

Thứ nhất, Việt Nam cần hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế-thương mại, tài chính, thuế theo hướng xây dựng nền kinh tế thị trường. Các quy định pháp lý về tài chính tiền tệ, về lao động, về đầu tư, cải cách doanh nghiệp nhà nước… phải minh bạch, hợp lý.

Thứ hai, cần xây dựng quy tắc xuất xứ hàng hóa một cách đầy đủ và toàn diện, trong đó đặc biệt là việc quản lý, xác minh, kiểm tra giấy chứng nhận xuất xứ đã được nước ngoài cấp. Điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng để xác định đúng đối tượng chịu thuế chống trợ cấp

Thứ ba, pháp luật về chống trợ cấp cần được ban hành dưới dạng luật, có sự tham vấn của các doanh nghiệp, quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan liên quan, xây dưng cơ chế giúp doanh nghiệp sử dụng quyền khởi kiện chống trợ cấp hiệu quả hơn. Đồng thời cần có các quy định chi tiết về các hoạt động điều tra, bảng câu hỏi điều tra mẫu, bảng hướng dẫn về thủ tục hành chính trong vụ điều tra chống trợ cấp.

Thứ tư, cần loại bỏ tất cả các trợ cấp cấp phát trực tiếp từ ngân sách nhà nước; cải cách các ưu đãi đầu tư, ưu đãi về tín dụng, thuế theo nguyên tắc minh bạch, không phân biệt đối xử, áp dụng thống nhất từ trung ương đến địa phương, tập trung hỗ trợ những ngành hàng ưu thế (như nông sản, thuỷ sản, hạt tiêu, hạt điều, gạo, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng mây tre lá...) hay những thị trường thế mạnh (thị trường Đông Âu truyền thống, thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, EU, Hoa Kỳ...). Việt Nam cũng cần chú ý phát triển các hình thức trợ cấp thuộc hộp xanh như: tài trợ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển hay cho hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển khu vực...

Thứ năm, cần phải thực hiện các biện pháp đồng bộ như: nâng cao năng lực bộ máy nhà nước, đặc biệt là bộ máy thực thi; xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, Hiệp hội ngành hàng và các doanh nghiệp; thiết lập hệ thống thông tin, kiến thức về trợ cấp, thông tin thị trường và pháp luật của nước nhập khẩu.

Thứ sáu, các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cần có những biện pháp chiến lược để phòng tránh các vụ kiện đối kháng, như: Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tăng cường cạnh tranh bằng chất lượng và giảm dần việc cạnh tranh bằng giá. Khi đối phó với các vụ kiện, doanh nghiệp nên tích cực tham gia vụ kiện ngay từ ban đầu, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan, chú ý tới các thời hạn điều tra, chuẩn bị các nguồn lực về tài chính và nhân lực, chuẩn bị hệ thống kế toán phù hợp và tiến hành thuê luật sư tư vấn theo các tiêu chí thích hợp… Ngoài ra, doanh nghiệp cần theo dõi chặt chẽ số liệu thống kê sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu đang được nhận trợ cấp để thu thập chứng cứ cần và đề xuất khởi xướng điều tra chống trợ cấp với hàng hóa nhập khẩu. Đây là biện pháp hiệu quả bảo vệ sản xuất trong nước, nhất là trong bối cảnh kinh tế suy thoái hiện nay.

Chống trợ cấp là vấn đề còn khá mới mẻ và chưa được nghiên cứu một cách có hệ thống ở Việt Nam. Với trình độ và thời gian nghiên cứu còn hạn hẹp, chắc chắn còn nhiều vấn đề cần trao đổi thêm. Tác giả

mong muốn nhận được những trao đổi và đóng góp của tất cả quý vị.
Xin chân thành cảm ơn.